

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LONG PHÚ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 35

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Long Phú (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Cáp Hồng Nguyên	Chủ tịch
Ông Phạm Xuân Nam	Thành viên
Ông Lê Dũng Lâm	Thành viên
Ông Trần Minh Đức	Thành viên
Bà Hồ Thị Thanh Thủy	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Bùi Việt Đức	Trưởng ban
Bà Trần Thị Gấm	Thành viên
Ông Dương Anh Tường	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Dũng Lâm	Giám đốc
Ông Trần Minh Đức	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Lê Dũng Lâm

Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 03 năm 2020

Số: 20.517/RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng quản trị**
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LONG PHÚ

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Long Phú (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27/03/2020 từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Long Phú tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Kim Văn Việt

Giám đốc kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1486-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Đà Nẵng, ngày 27 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Thị Thanh Thảo

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
4703-2019-026-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		17.006.273.920	12.014.144.824
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	8.989.223.970	3.214.657.505
1. Tiền	111		4.989.223.970	3.214.657.505
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.077.389.857	6.325.191.689
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	2.175.039.955	1.867.499.423
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	1.891.471.552	2.468.182.240
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	1.010.878.350	1.989.510.026
IV. Hàng tồn kho	140		1.635.171.682	1.278.350.463
1. Hàng tồn kho	141	4.5	1.635.171.682	1.278.350.463
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.304.488.411	1.195.945.167
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.6	1.302.761.839	1.195.945.167
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.726.572	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		53.739.168.544	56.353.494.993
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		606.000.000	576.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	606.000.000	576.000.000
II. Tài sản cố định	220		36.633.811.059	40.505.253.670
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	33.262.723.271	34.662.199.760
Nguyên giá	222		78.632.784.712	75.736.259.965
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(45.370.061.441)	(41.074.060.205)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	3.371.087.788	5.843.053.910
Nguyên giá	228		7.031.083.372	8.358.251.372
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.659.995.584)	(2.515.197.462)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.405.817.365	4.584.754.166
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.9	4.405.817.365	4.584.754.166
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		12.093.540.120	10.687.487.157
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.6	12.093.540.120	10.687.487.157
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		70.745.442.464	68.367.639.817

BẢNG ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		21.156.433.037	19.646.248.303
I. Nợ ngắn hạn	310		18.181.853.037	16.133.348.158
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	2.431.461.548	1.907.898.861
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.11	779.740.500	1.324.699.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	180.727.772	169.142.952
4. Phải trả người lao động	314		4.124.673.242	3.485.634.143
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.13	242.341.576	162.953.899
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.14	840.710.012	904.320.646
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.15	2.985.320.145	6.809.553.333
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.596.878.242	1.369.145.324
II. Nợ dài hạn	330		2.974.580.000	3.512.900.145
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.14	2.138.000.000	131.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.15	836.580.000	3.381.900.145
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		49.589.009.427	48.721.391.514
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.16	49.589.009.427	48.721.391.514
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		27.275.210.000	24.795.770.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		27.275.210.000	24.795.770.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.747.545.000	3.747.545.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.021.421.973	1.021.421.973
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.764.560.507	6.018.624.429
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.780.271.947	13.138.030.112
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		10.240.938.165	7.434.741.581
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		539.333.782	5.703.288.531
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		70.745.442.464	68.367.639.817

Lê Dũng Lâm
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 03 năm 2020

Lý Thị Thanh Lam
Kế toán trưởng

Trần Thị Gấm
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LONG PHÚ

Địa chỉ: Đá Chồng, Xã Vĩnh Lương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	160.051.919.226	141.718.199.967
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		160.051.919.226	141.718.199.967
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	140.455.267.038	120.798.041.384
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.596.652.188	20.920.158.583
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	229.143.753	84.535.495
7. Chi phí tài chính	22	5.4	672.104.368	1.208.396.714
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>672.104.368</i>	<i>1.208.396.714</i>
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	1.447.606.000	2.294.391.355
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	9.404.329.907	8.940.369.537
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.301.755.666	8.561.536.472
11. Thu nhập khác	31	5.7	1.075.624.128	376.593.188
12. Chi phí khác	32	5.8	4.110.541	5.473.065
13. Lợi nhuận khác	40		1.071.513.587	371.120.123
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.373.269.253	8.932.656.595
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	1.913.908.475	1.803.545.932
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.459.360.778	7.129.110.663
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.16.5	471	2.588
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.16.6	471	2.588



Lê Dũng Lâm
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 03 năm 2020

Lý Thị Thanh Lam
Kế toán trưởng

Trần Thị Gấm
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		159.199.420.194	143.322.441.690
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(112.460.079.930)	(97.800.490.717)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(23.932.977.122)	(24.271.282.682)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(705.063.075)	(1.209.931.106)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(2.062.857.978)	(1.235.537.032)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6.129.564.594	5.846.836.118
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(8.425.841.155)	(16.931.164.058)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		17.742.165.528	7.720.872.213
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.914.484.129)	(2.868.599.941)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.121.272.728	725.936.450
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		-	10.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		195.165.671	84.535.495
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.598.045.730)	(2.048.127.996)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	2.515.000.000	13.355.598.750
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(8.884.553.333)	(16.657.733.332)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		-	(1.239.788.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.369.553.333)	(4.541.923.082)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM				
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.214.657.505	2.083.836.370
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		8.989.223.970	3.214.657.505



Lê Dũng Lâm
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 03 năm 2020

Lý Thị Thanh Lam
Kế toán trưởng

Trần Thị Gấm
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Du lịch Long Phú (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Du lịch Long Phú thuộc Tổng Công ty Khánh Việt) theo Quyết định số 1734/2006/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3703000238 ngày 17 tháng 01 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần gần nhất vào ngày 06 tháng 02 năm 2020 với mã số doanh nghiệp là 4200451896.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 27.275.210.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia /Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Khánh Việt	Việt Nam	14.318.650.000	52	13.016.960.000	52
Công ty Cổ phần Avalue	Việt Nam	5.977.730.000	22	5.419.570.000	22
Các đối tượng khác	Việt Nam	6.978.830.000	26	6.359.240.000	26
Cộng		27.275.210.000	100	24.795.770.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đá Chồng, Xã Vĩnh Lương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 262 (31/12/2018: 273).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh du lịch và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển; Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí; Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; Kinh doanh karaoke; Dịch vụ lặn biển;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Hoạt động thể thao khác;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Khai thác gỗ;
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ;
- Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác;
- Hoạt động dịch vụ chăn nuôi. Chi tiết: Nuôi dưỡng và thuần dưỡng thú;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đào tạo về phong cách sống trong môi trường quân đội;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí. Chi tiết: Hoạt động của các nhóm, gánh xiếc, hoặc các công ty, ban nhạc, dàn nhạc;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ;
- Chăn nuôi khác. Chi tiết: Chăn nuôi khí và động vật rừng;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ rượu, bia, đồ uống không có cồn;
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương. Chi tiết: vận tải hành khách ven biển;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: Vận tải hàng hóa ven biển;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động của các bến, bãi, ô tô, điểm bốc xếp, hàng hóa; bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Đại lý bán vé tàu, vé xe, vé máy bay;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Cơ sở lưu trú khác;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...);
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quán bar, quầy bar);
- Hoạt động nhiếp ảnh;
- Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ thu tiền đỗ xe;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc, huấn luyện vật cảnh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú;
- Cắt tóc, làm đầu, gội đầu.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2019 gồm:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Long Phú tại Phú Yên	247 Trường Chinh, Phường 7, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Long Phú tại Đắk Lắk	313 Phan Chu Trinh, Phường Tân Lợi, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Long Phú tại Lâm Đồng	56 Lê Thánh Tôn, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**3.1. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

3.3. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và các phải thu khác sau khi đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.20. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.21. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các Giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Tiền mặt	1.237.710.192	992.793.137
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.751.513.778	2.221.864.368
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 3 tháng	4.000.000.000	-
Cộng	8.989.223.970	3.214.657.505

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan - Xem thêm mục 8	102.365.000	281.393.000
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty TNHH Du Thuyền Horizon Việt Nam	303.085.000	-
Công ty TNHH Du Lịch Marketing Highland	280.000.000	-
Công ty Cổ phần dịch vụ Công nghệ thế giới mới	-	50.849.000
Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Anex Việt nam	92.205.000	80.584.000
Công ty TNHH Lữ hành Pegas Misr Việt Nam	221.175.000	183.665.000
Công Ty TNHH Du Lịch Haha	-	200.000.000
Công ty TNHH Lâm Sản Thịnh Vượng	-	275.000.000
Các đối tượng khác	1.176.209.955	796.008.423
Cộng	2.175.039.955	1.867.499.423

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Công ty TNHH Đầu Tư - Sản Xuất - Dịch vụ - Xây Dựng Hoàng Đạt	680.135.400	-
Công ty Cổ phần Kovic Việt Nam	332.556.000	-
Công ty Cổ Phần Hàng Không Vietjet	504.255.000	1.670.020.740
Công ty Cổ phần Truyền thông và Lữ hành Việt	-	252.553.000
Công ty TNHH Tư vấn giải pháp Công nghệ Thông tin	-	305.309.500
Các đối tượng khác	374.525.152	240.299.000
Cộng	1.891.471.552	2.468.182.240

4.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Đặt cọc tiền thuê mặt bằng	-	-	46.000.000	-
Tạm ứng	909.335.000	-	1.455.674.700	-
Công ty Điện lực Khánh Hòa	-	-	376.273.354	-
Lãi dự thu	33.978.082	-	-	-
Các đối tượng khác	67.565.268	-	111.561.972	-
Cộng	1.010.878.350	-	1.989.510.026	-
Dài hạn:				
Ký quỹ, ký cược ngân hàng Sacombank	500.000.000	-	500.000.000	-
Điện Lực Trung Tâm Nha Trang	26.000.000	-	26.000.000	-
Công ty CP Cấp Thoát Nước Khánh Hòa	10.000.000	-	10.000.000	-
KS Ngân Thông (Tiền thuê MB VP Lâm Đồng)	30.000.000	-	-	-
Lê Thị Kim Cúc (Tiền thuê MB 15 Ngô Đức Kế)	40.000.000	-	40.000.000	-
Cộng	606.000.000	-	576.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	599.064.611	-	516.119.567	-
Công cụ, dụng cụ	226.227.480	-	282.084.463	-
Hàng hóa	809.879.591	-	480.146.433	-
Cộng	1.635.171.682	-	1.278.350.463	-

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm.

4.6. Chi phí trả trước

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn:		
Chi phí sửa chữa tài sản	127.668.904	214.171.918
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	860.789.639	635.707.408
Chi phí bảo hiểm, đăng kiểm xe	151.610.138	143.743.000
Chi phí đồng phục, bảo hộ lao động	55.680.878	53.806.000
Chi phí khác	107.012.280	148.516.841
Cộng	1.302.761.839	1.195.945.167
Dài hạn:		
Chi phí sửa chữa tài sản	508.483.619	818.065.969
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	940.167.630	228.539.627
Chi phí huấn luyện xiếc thú	122.355.823	114.319.174
Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng	1.235.335.366	-
Chi phí thuê đất (*)	9.045.197.902	9.246.202.294
Chi phí khác	241.999.780	280.360.093
Cộng	12.093.540.120	10.687.487.157

(*)Chi phí thuê đất tại số 40 Thái Nguyên, phường Phương Sài, TP Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa theo Hợp đồng thuê đất số 40 giữa Công ty Cổ Phần Du lịch Long Phú và UBND Tỉnh Khánh Hòa, thời hạn thuê từ 12/4/2016 đến 1/12/2064. Quyền sử dụng đất này đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 04/HĐBĐ/TC/KHDN.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LONG PHÚ

Địa chỉ: Đà Chông, Xã Vĩnh Lương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Tặng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P/tiện vận tải, truyền dẫn VND	T/bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2019	38.082.521.510	3.262.850.705	32.365.145.510	575.224.554	1.450.517.686	75.736.259.965
Mua trong năm	-	63.338.000	3.298.272.727	507.650.182	-	3.869.260.909
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.564.643.621	-	-	-	-	2.564.643.621
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.537.379.783)	-	-	(3.537.379.783)
Tại ngày 31/12/2019	40.647.165.131	3.326.188.705	32.126.038.454	1.082.874.736	1.450.517.686	78.632.784.712
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2019	23.239.636.484	2.508.318.601	13.881.989.603	466.600.353	977.515.164	41.074.060.205
Khấu hao trong năm	3.572.797.750	300.004.463	3.739.975.786	188.344.584	32.258.436	7.833.381.019
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.537.379.783)	-	-	(3.537.379.783)
Tại ngày 31/12/2019	26.812.434.234	2.808.323.064	14.084.585.606	654.944.937	1.009.773.600	45.370.061.441
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2019	14.842.885.026	754.532.104	18.483.155.907	108.624.201	473.002.522	34.662.199.760
Tại ngày 31/12/2019	13.834.730.897	517.865.641	18.041.452.848	427.929.799	440.744.086	33.262.723.271

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 5.740.388.595 VND.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 9.111.680.419 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Chi phí liên quan quyền sử dụng đất VND	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2019	858.380.296	7.499.871.076	8.358.251.372
Mua trong năm	-	-	-
Giảm khác	-	(1.327.168.000)	(1.327.168.000)
Tại ngày 31/12/2019	858.380.296	6.172.703.076	7.031.083.372
Khấu hao:			
Tại ngày 01/01/2019	413.693.403	2.101.504.059	2.515.197.462
Khấu hao trong năm	27.209.352	1.182.169.500	1.209.378.852
Giảm khác	-	(64.580.730)	(64.580.730)
Tại ngày 31/12/2019	440.902.755	3.219.092.829	3.659.995.584
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2019	444.686.893	5.398.367.017	5.843.053.910
Tại ngày 31/12/2019	417.477.541	2.953.610.247	3.371.087.788

Quyền sử dụng đất theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 966682 tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 16 tại thôn Cát Lợi, xã Vĩnh Lương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, diện tích 525 m², thời hạn sử dụng đến ngày 17/10/2020, nguyên giá 4.116.456.390 VND.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 966682 với diện tích 443 m² (trong đó đất ở tại nông thôn 111 m², đất trồng cây lâu năm thuộc quy hoạch giao thông 332m²) số thửa 26, tờ bản đồ số 16, thời hạn sử dụng đất ở nông thôn: lâu dài, đất trồng cây lâu năm đến ngày 17/10/2050, nguyên giá 2.056.246.686 VND.

Không có TSCĐ vô hình cuối năm dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay.

Không có TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Chi phí dự án Khách sạn Hoàng Gia	3.146.978.273	3.146.978.273
Chi phí đo, vẽ đất quy hoạch khu Đá Chồng	770.000.001	770.000.001
Chi phí tư vấn phát triển dự án Hoa Lan + Hòn Hèo	136.363.636	136.363.636
Chi phí tư vấn phát triển dự án Đảo Khỉ	136.363.636	136.363.636
Cải tạo nhà vệ sinh Hoa Lan	28.545.455	-
Cải tạo nhà nghỉ Hoa Lan	78.638.182	-
Dự án mở rộng diện tích mặt nước biển Hòn Lao	108.928.182	108.928.182
Cải tạo nhà xiếc thú Hòn Lao	-	78.961.544
Chi phí làm hồ nuôi cá Koi Hoa Lan	-	12.051.000
Chi phí làm nhà mẫu Hoa Lan	-	195.107.894
Cộng	4.405.817.365	4.584.754.166

4.10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm mục 8	17.760.000	17.760.000	41.912.000	41.912.000
Công ty TNHH MTV XD và ĐT Khánh Hòa	124.950.000	124.950.000	63.831.000	63.831.000
Công ty Cổ phần Văn Lang	55.822.000	55.822.000	115.540.000	115.540.000
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Bảo Vệ Long Sơn	140.839.820	140.839.820	192.610.000	192.610.000
Công ty Xăng dầu Phú Khánh	137.186.000	137.186.000	150.454.697	150.454.697
Công ty TNHH Lâm Sản Thịnh Vượng	-	-	275.000.000	275.000.000
Công ty TNHH Nguyễn Phú	300.911.580	300.911.580	113.957.250	113.957.250
Công ty TNHH Sao Mai Anh	-	-	118.200.000	118.200.000
Đối tượng khác	1.653.992.148	1.653.992.148	836.393.914	836.393.914
Cộng	2.431.461.548	2.431.461.548	1.907.898.861	1.907.898.861

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Người mua trả tiền trước là các bên có liên quan - Xem thêm mục 8	-	955.149.000
Công ty Lữ hành Hà Nội Tourist - TCT DL Hà Nội	-	200.970.000
Phan Thị Thảo Uyên	262.115.000	-
Chi nhánh Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế Pegas Việt Nam tại Nha Trang	244.042.500	-
Các đối tượng khác	273.583.000	168.580.000
Cộng	779.740.500	1.324.699.000

4.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Trong năm VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/ khấu trừ Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	126.146.918	13.170.996.751	13.152.133.610
Thuế thu nhập doanh nghiệp	54.580.854	2.071.440.932	2.062.857.978
Thuế thu nhập cá nhân	-	279.848.736	295.710.011
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	151.674.047	151.674.047
Thuế tài nguyên	-	2.694.000	2.694.000
Thuế môn bài	-	7.000.000	7.000.000
Cộng	180.727.772	15.683.654.466	15.672.069.646

4.13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Chi phí lãi vay phải trả	39.131.740	72.090.447
Chi phí kiểm toán báo cáo tài chính	18.181.818	15.000.000
Các khoản trích trước khác	185.028.018	75.863.452
Cộng	242.341.576	162.953.899

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn	106.241.740	60.548.323
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	118.800.000	114.600.000
Thuế TNCN phải trả	123.580.796	291.369.002
Nhận đặt cọc thuê mặt bằng, xưởng nước	482.200.000	388.200.000
Phải trả khác	9.887.476	49.603.321
Cộng	840.710.012	904.320.646
Dài hạn:		
Nhận đặt cọc tiền thuê mặt bằng nhà Xưởng	2.138.000.000	131.000.000
- Công ty TNHH Dịch Vụ và Thương mại Ván Cảnh	2.000.000.000	-
- Nguyễn Thị Khánh Hòa	-	40.000.000
- Lương Thị Hiền	-	40.000.000
- Công ty TNHH Đông Tây Nha Trang Group	30.000.000	-
- Công Ty TNHH Kim Ngân Russia	100.000.000	-
- Cao Vũ Thúy Oanh	-	40.000.000
- Công ty TNHH DL TM Lê Vương	-	3.000.000
- Phạm Văn Tuấn	8.000.000	8.000.000
Cộng	2.138.000.000	131.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LONG PHÚ

Địa chỉ: Đả Chông, Xã Vĩnh Lương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Vay dài hạn Tổng Công ty Khánh Việt theo Hợp đồng vay nợ số 01/2007/TCT-ĐT ngày 12/04/2007, lãi suất 0%/ tháng theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 12 năm.
- Vay dài hạn Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Việt Khánh theo Hợp đồng vay nợ số 18/4/2017/HĐVV/VL-LP ngày 17 tháng 04 năm 2017 với hạn mức cho vay là 4.400.000.000 VND, thời hạn vay 36 tháng từ 18/04/2017 đến 18/04/2020, lãi suất 7,5%/ năm. Mục đích vay để đầu tư mua mới 2 xe 45 chỗ.
- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa theo các hợp đồng sau:
 - Hợp đồng vay nợ số 05/2018-HDDCVDADD/NHCT580/KHDN ngày 10 tháng 01 năm 2018 với hạn mức cho vay là 596.400.000 VND thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất 7,7%/năm. Mục đích vay để thanh toán tiền mua xe 16 chỗ hiệu Ford transit Luxury. Tài sản đảm bảo là xe 16 chỗ Ford transit 79B-02578.
 - Hợp đồng vay nợ số 06/2018-HDDCVDADD/NHCT580/KHDN ngày 23 tháng 01 năm 2018 với hạn mức cho vay là 3.000.000.000 VND thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất 10%/năm. Mục đích vay để đầu tư sửa chữa tài sản, công cụ dụng cụ phục vụ HĐ SXKD năm 2018 (Dự án). Tài sản đảm bảo là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại 40 Thái Nguyên – Nha Trang.
- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa theo Hợp đồng vay nợ số 0117/TH-LP ngày 16 tháng 02 năm 2017 với hạn mức cho vay là 4.368.000.000 VND thời hạn vay 30 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất 7,4%/năm trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng đối với cá nhân do Tổng Giám đốc Vietcombank quy định cộng biên độ 2,6%. Mục đích vay để thanh toán tiền mua 2 xe ô tô khách hiệu thaco BS 79B-002.10 và 79B-002.13. Tài sản đảm bảo là xe 16 chỗ Ford Transit 79B 02982.
- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Khánh Hòa theo các hợp đồng sau:
 - Hợp đồng vay nợ số HDTD6102017568 ngày 12 tháng 05 năm 2017 với hạn mức cho vay là 1.500.000.000 VND thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất 7,5%/năm. Mục đích vay để thanh toán tiền mua 1 cano theo Hợp đồng mua bán số 2301/HĐMB-2017 ngày 16/2/2017 với Công ty TNHH Đóng tàu Lưu Gia. Tài sản đảm bảo là Tàu Long Phú 21.
 - Hợp đồng vay nợ số HDTD610201854 ngày 16 tháng 01 năm 2018 với hạn mức cho vay là 2.769.200.000 VND thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất 10%/năm. Mục đích vay để thanh toán tiền 2 cano nhựa composite dài 12,3m rộng 2,76m, sức chở 42 khách cộng 3 thuyền viên, công suất 250HPx2. Tài sản đảm bảo là Tàu Long Phú 22 và 24.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LONG PHÚ

Địa chỉ: Đá Chông, Xã Vĩnh Lương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.16. Vốn chủ sở hữu****4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	
Số dư tại ngày 01/01/2018	24.795.770.000	3.747.545.000	1.021.421.973	5.305.713.363	8.571.241.565	43.441.691.901
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	7.129.110.663	7.129.110.663
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	712.911.066	(712.911.066)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(712.911.066)	(712.911.066)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(1.239.788.500)	(1.239.788.500)
Tặng khác	-	-	-	-	103.288.516	103.288.516
Số dư tại ngày 01/01/2019	24.795.770.000	3.747.545.000	1.021.421.973	6.018.624.429	13.138.030.112	48.721.391.514
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	7.459.360.778	7.459.360.778
Trích quỹ đầu tư phát triển (**)	-	-	-	745.936.078	(745.936.078)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (***)	-	-	-	-	(6.174.090.918)	(6.174.090.918)
Chia cổ tức bằng cổ phần (*)	2.479.440.000	-	-	-	(2.479.440.000)	-
Giảm khác	-	-	-	-	(417.651.947)	(417.651.947)
Tại ngày 31/12/2019	27.275.210.000	3.747.545.000	1.021.421.973	6.764.560.507	10.780.271.947	49.589.009.427

(*) Theo nghị quyết 01/NQ-ĐHĐCĐ-LPC ngày 20/04/2019, Đại hội đồng Cổ đông thông qua phương án chia cổ tức 10% bằng cổ phần cho cổ đông từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2018, tương đương với giá trị 2.479.440.000 VND.

(**) Công ty tạm trích quỹ đầu tư phát triển theo kế hoạch được công bố theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2019 ngày 20/04/2019.

(***) Công ty tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 2/NQ-ĐHĐCĐ-LPC ngày 01/11/2019 và biên bản họp Hội đồng quản trị tháng 03/2020.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.16.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Tổng Công ty Khánh Việt	14.318.650.000	13.016.960.000
Công ty Cổ phần Avalue	5.977.730.000	5.419.570.000
Các đối tượng khác	6.978.830.000	6.359.240.000
Cộng	27.275.210.000	24.795.770.000

4.16.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn góp đầu năm	24.795.770.000	24.795.770.000
Vốn góp tăng trong năm	2.479.440.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	27.275.210.000	24.795.770.000

4.16.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	2.727.521	2.479.577
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.727.521	2.479.577
- Cổ phiếu phổ thông	2.727.521	2.479.577
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn CSH)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn CSH)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.727.521	2.479.577
- Cổ phiếu phổ thông	2.727.521	2.479.577
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.16.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	7.459.360.778	7.129.110.663
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	6.174.090.918	712.911.066
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.285.269.860	6.416.199.597
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	2.727.521	2.479.577
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	471	2.588

4.16.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	7.459.360.778	7.129.110.663
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	6.174.090.918	712.911.066
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN	-	-
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.285.269.860	6.416.199.597
Số lượng CP phổ thông bình quân lưu hành trong năm	2.727.521	2.479.577
Số lượng CP phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.727.521	2.479.577
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	471	2.588

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của công ty để tính lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm trước đã trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi thực tế theo hướng dẫn tại thông tư 200/TT-BTC.

Năm nay, theo kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019 tại Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/NQ-ĐHĐCĐ-LPC ngày 20/04/2019 trích quỹ khen thưởng phúc lợi với tỷ lệ 10%. Theo đó, lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu năm nay đã trừ quỹ khen thưởng phúc lợi tạm trích.

4.16.7. Cổ tức

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông	2.479.440.000	1.239.788.500

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 20/04/2019 đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2018 bằng cổ phần với tỷ lệ 10%/vốn điều lệ tương ứng 2.479.440.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.16.8. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2019	6.018.624.429
Trích trong năm	745.936.078
Tại ngày 31/12/2019	<u><u>6.764.560.507</u></u>

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng hóa	3.758.788.140	3.717.622.451
Doanh thu cung cấp dịch vụ	156.293.131.086	138.000.577.516
Cộng	<u><u>160.051.919.226</u></u>	<u><u>141.718.199.967</u></u>
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	10.164.194.487	8.159.246.253

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn bán hàng	2.307.787.210	2.251.758.842
Giá vốn cung cấp dịch vụ	138.147.479.828	118.546.282.542
Cộng	<u><u>140.455.267.038</u></u>	<u><u>120.798.041.384</u></u>

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	229.143.753	84.535.495
Cộng	<u><u>229.143.753</u></u>	<u><u>84.535.495</u></u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.4. Chi phí tài chính**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí lãi vay	672.104.368	1.208.396.714
Cộng	672.104.368	1.208.396.714

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí hoa hồng	372.508.500	1.509.951.750
Chi phí tuyên truyền, tiếp thị quảng cáo	1.075.097.500	784.439.605
Cộng	1.447.606.000	2.294.391.355

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên	5.098.875.478	5.019.723.731
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	199.866.286	225.117.981
Chi phí khấu hao tài sản cố định	195.890.391	289.877.128
Thuế, phí và lệ phí	359.678.439	447.685.995
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.444.046.221	1.319.214.819
Chi phí bằng tiền khác	2.105.973.092	1.638.749.883
Cộng	9.404.329.907	8.940.369.537

5.7. Thu nhập khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	1.049.524.708	345.989.898
Thu nhập khác	26.099.420	30.603.290
Cộng	1.075.624.128	376.593.188

5.8. Chi phí khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền chậm nộp, phạt thuế	4.110.541	-
Chi phí khác	-	5.473.065
Cộng	4.110.541	5.473.065

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.849.295.141	14.041.417.641
Chi phí nhân công	28.085.865.520	26.875.513.403
Chi phí dụng cụ sản xuất	2.448.198.770	1.990.256.663
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.042.759.871	8.751.508.580
Chi phí dịch vụ mua ngoài	81.856.023.910	65.526.558.744
Chi phí khác bằng tiền	12.717.272.523	12.595.788.403
Cộng	148.999.415.735	129.781.043.434

5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	9.373.269.253	8.932.656.595
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	196.273.124	85.073.065
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	196.273.124	85.073.065
- Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	125.473.124	18.473.065
- Thù lao thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành	70.800.000	66.600.000
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	9.569.542.377	9.017.729.660
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành	1.913.908.475	1.803.545.932

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	2.515.000.000	13.355.598.750
Cộng	2.515.000.000	13.355.598.750

6.2. Số tiền thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền chi trả gốc vay theo kế ước thông thường	8.884.553.333	16.657.733.332
Cộng	8.884.553.333	16.657.733.332

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là cung cấp dịch vụ du lịch và lãnh thổ duy nhất là Việt Nam.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

1. Tổng Công ty Khánh Việt	Công ty mẹ
2. Trung tâm Giống Đà điều Ninh Hòa	ĐVTT của TCT Khánh Việt
3. Trung tâm Giống Đà điều Khatoco Quảng Nam	ĐVTT của TCT Khánh Việt
4. Công ty Kinh doanh Đà điều Cá sấu Khatoco	ĐVTT của TCT Khánh Việt
5. Công viên du lịch Yang Bay	ĐVTT của TCT Khánh Việt
6. Xí nghiệp may Khatoco	ĐVTT của TCT Khánh Việt
7. Công ty Thuốc lá Nguyên liệu Khatoco	ĐVTT của TCT Khánh Việt
8. Nhà máy thuốc lá Khatoco Khánh Hòa	ĐVTT của TCT Khánh Việt
9. Công ty TNHH MTV tại Gia Lai	ĐVTT của TCT Khánh Việt
10. Công ty TNHH Thương mại Khatoco	Công ty con của TCT Khánh Việt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải thu khách hàng:		
Tổng Công ty Khánh Việt	72.045.000	281.393.000
Công ty Kinh doanh Đà Điều Cá Sấu Khatoco	30.320.000	-
	102.365.000	281.393.000
Cộng - Xem thêm mục 4.2		
	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải trả:		
Công ty TNHH Thương mại Khatoco - Xem thêm mục 4.11	-	955.149.000
Công ty Kinh doanh Đà Điều Cá Sấu Khatoco - Xem thêm mục 4.10	17.760.000	-
Công ty TNHH Thương mại Khatoco - Xem thêm mục 4.10	-	41.912.000
Tổng Công ty Khánh Việt - Xem thêm mục 4.15	143.041.395	519.314.729
Cộng	160.801.395	1.516.375.729

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Trong năm, Công ty đã có những giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2019</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2018</u> <u>VND</u>
Bán hàng:		
Tổng Công ty Khánh Việt	3.117.102.833	4.634.705.144
Nhà máy Thuốc lá Khatoco Khánh Hòa	793.633.963	661.818.181
Công viên Du lịch Yang Bay	-	167.124.682
Công ty Thuốc lá Nguyên liệu Khatoco	809.385.261	293.656.699
Trung tâm Giống Đà điều Ninh Hòa	497.180.867	399.242.832
Xí nghiệp may Khatoco	1.485.350.493	1.298.353.197
Công ty Kinh doanh Đà điều Cá sấu Khatoco	226.993.345	103.456.954
Công Ty TNHH MTV tại Gia Lai	101.818.182	-
Trung tâm Giống Đà điều Khatoco Quảng Nam	69.562.496	600.888.564
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	3.063.167.047	-
Cộng - Xem thêm mục 5.1	<u>10.164.194.487</u>	<u>8.159.246.253</u>

	<u>Năm 2019</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2018</u> <u>VND</u>
Mua hàng:		
Công viên Du lịch Yang Bay	201.627.269	167.349.999
Trung tâm giống Đà điều Ninh Hòa	26.000.000	30.000.000
Công ty Kinh doanh Đà điều Cá sấu Khatoco	153.960.000	-
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	23.636.363	7.272.728
Cộng	<u>405.223.632</u>	<u>204.622.727</u>

	<u>Năm 2019</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2018</u> <u>VND</u>
Trả nợ vay:		
Tổng Công ty Khánh Việt	376.273.333	376.273.338
Cộng	<u>376.273.333</u>	<u>376.273.338</u>

	<u>Năm 2019</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2018</u> <u>VND</u>
Trả cổ tức:		
Tổng Công ty Khánh Việt	1.301.690.000	650.848.000
Cộng	<u>1.301.690.000</u>	<u>650.848.000</u>

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Năm 2019</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2018</u> <u>VND</u>
Thù lao Hội đồng quản trị	85.200.000	85.200.000
Thu nhập Ban Giám đốc	1.103.033.000	1.036.772.850

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

9. THÙ LAO CỦA KIỂM SOÁT VIÊN

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	136.700.000	174.155.300

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Lê Dũng Lâm
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 03 năm 2020

Lý Thị Thanh Lam
Kế toán trưởng

Trần Thị Gám
Người lập

